

Rene Descartes và tác phẩm Luận về triết học thứ nhất

ThS. NGUYỄN THỊ HẰNG

NCS Triết học K28.2, Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: hangnt.aof2013@gmail.com

Tóm tắt: Descartes là một trong những người sáng lập triết học cận đại, chiếm lĩnh một trong những đỉnh cao của lịch sử triết học thế giới. Ông được ghi vào biên niên sử khoa học như một trong những tên tuổi kiệt xuất, cha đỡ đầu của tri thức khoa học thế kỷ XVII. Trong đó, tác phẩm □Luận về triết học thứ nhất□ của Descartes là một trong những tác phẩm kinh điển triết học vĩ đại nhất mọi thời đại.

Từ khóa: Rene Descartes, những suy niệm siêu hình học, luận về triết học thứ nhất.

1. Giới thiệu về Rene Descartes và tác phẩm

Luận về triết học thứ nhất

Descartes (1596-1650) là một đại diện tiêu biểu của triết học cận đại Tây Âu. Đóng góp lớn lao của ông, mà ông sẽ mãi mãi được biết đến như là cha đẻ của triết học hiện đại, là phương pháp hoài nghi. Trong tác phẩm □Luận về triết học thứ nhất□, ông quyết định bắt đầu triết học từ đầu bằng cách nghi ngờ mọi thứ, cho đến khi ông tìm ra thứ gì đó không nghi ngờ gì và từ đó ông có thể xây dựng một triết lý mới.

Trong cuộc đời khoa học của Descartes, những năm đại học ảnh hưởng không lớn đến tư tưởng triết học của Descartes, do các bài giảng triết học tỏ ra nhàm chán, xa rời thực tiễn, mang nặng tính giáo huấn thuần túy. Descartes chuyển sang nghiên cứu vấn đề phương pháp và đầu tư cho khoa học. Năm 1637 Descartes viết bằng tiếng Pháp tác phẩm □Luận về phương pháp□, là tài liệu có tính cương lĩnh, trong đó trình bày những vấn đề cơ bản của triết học và định hướng nghiên cứu khoa học.

Để làm sâu sắc hơn thế giới quan của mình, năm 1641 Descartes xuất bản tại Paris cuốn □Luận về triết học thứ nhất□, viết bằng tiếng Latinh. Trong tác phẩm này ông đã cho thấy sự thất vọng của mình đối với khoa học phổ quát mà trước kia ông đã nhiều năm gắn bó. Những đột tiến trong tư tưởng của Descartes được trình bày lần lượt trong sáu bài Suy niệm. Một tác phẩm quan trọng để hiểu triết học Descartes một cách đích đáng. Năm 1642 tác phẩm được tái bản tại Amsterdam. Đến năm 1647 bản tiếng Pháp ra mắt tại Paris với tên gọi khác - Những suy tư siêu hình học. Sự tiến bộ của khoa học ngày càng tăng của Descartes đã gây lo ngại cho nhà thờ. Một chiến dịch bôi nhọ Descartes được dàn dựng, quy tụ các nhà hoạt động tôn giáo, các giáo

sư thần học, và cả một số nhà khoa học. Luận về triết học thứ nhất của Descartes được coi là một trong những tác phẩm kinh điển triết học vĩ đại nhất mọi thời đại. Thách thức mà nó đưa ra theo nhiều cách là dứt khoát của triết học: bỏ lại đằng sau thế giới thoải mái của định kiến di truyền và quan điểm định sẵn, không coi thường điều gì trong quyết tâm đạt được kiến thức an toàn và đáng tin cậy. Descartes nói về việc phá bỏ hoàn toàn mọi thứ và bắt đầu lại ngay từ nền móng.

2. Nội dung tác phẩm □Luận về triết học thứ nhất□

Nội dung của tác phẩm được Descartes trình bày trong sau bài Suy niệm:

Suy niệm I: Hoài nghi

Mục đích của Suy niệm I là đặt lại nền tảng hoàn toàn mới cho tri thức và công việc suy tưởng của triết học. Tất cả những tri thức trước kia Descartes coi là chắc chắn và hiển nhiên nhất nay đều bị nghi hoặc. Chúng ta sẽ chứng nghiệm nơi 3 cấp hoài nghi của ông trong Suy niệm I: Ông bắt đầu nhận định: □Tôi nghĩ, tôi có□. Ông đã công phá những nền tảng đó bằng ba đợt liên tiếp. Trước hết ông hoài nghi khả năng tri thức của giác quan. Hoài nghi này liên quan đến những tri giác, tức tri thức do giác quan. Hoài nghi thứ hai, ông đã hoài nghi về khách thể tính của tri thức con người. Hoài nghi thứ ba, một loại chưa từng thấy trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Đây mới thực là hoài nghi triệt để và nó thường được gọi là □Hoài nghi về Tà thần□. Hoài nghi này sẽ xô đổ mọi

hiển nhiên, kể cả những hiển nhiên toán học. Descartes nhận định: Nhiều khi người ta có thể bị sai lầm cả trong những điều hiển nhiên nhất. Ông đã thấy điều đó nơi nhiều người, vì vậy ông đã hoài nghi cho chính mình: Tôi không có một bộ óc bị lấp sai và như vậy tôi suy tưởng rất đúng, nhưng cái đúng đó lại là một cái sai thường xuyên. Rất có thể ông không phải là tạo vật của Thiên Chúa tốt lành, nhưng chỉ là tác phẩm của một tà thần vô cùng toàn năng và quỷ quyệt, luôn luôn dùng hết tài năng của mình để lừa dối tôi. Vì vậy Descartes phải hoài nghi về chính khả năng tri thức của mình. Kết quả của bài suy niệm I là một tâm linh sạch không, ông đã phá huỷ tất cả mọi tin tưởng, kể cả những tin tưởng rất chắc chắn xưa kia của ông vào những chân lý toán học. Descartes đã hoài nghi để phá đổ những thiên kiến, để xây dựng một nền chân lý hoàn toàn bất khả nghi. Suy niệm I được coi là đặt nền móng cho những suy niệm tiếp theo và là nền tảng của chủ nghĩa hoài nghi hiện đại.

Suy niệm II: Về bản tính của tâm linh con người và về sự nó dễ được biết hơn thân thể

Bài suy niệm hôm qua đã đổ vào tâm trí tôi quá nhiều hoài nghi lớn lao, đến nỗi từ nay tôi không thể nào quên chúng được; và tôi cũng không biết giải quyết chúng cách nào hết. Descartes dùng chính nỗi hoài nghi để tự giải thoát ra khỏi tình trạng hoài nghi. Descartes luôn tự hỏi: Tôi là gì? và câu trả lời là: Tôi là một sự vật suy tưởng. Đó là một hệ luận, một chân lý song song với chân lý căn bản: Tôi có đây. Khi nhận Tôi có đây thì chính là lúc tôi nhận thấy tôi đang suy tưởng. Nhưng Một sự vật suy tưởng là gì? Để trả lời cho câu hỏi này, ông đã thử đi vào nghiệm xem tài năng của linh hồn có thiết yếu cho linh hồn chăng, nghĩa là nó phải là tôi chăng?. Ông kích thích trí tưởng tượng để xem nó nói ông là gì? Thì trí tưởng tượng cho thấy: Tôi là toàn bộ những chi thể mà người ta gọi là thân thể con người. Descartes nghĩ đó là những ảo giác và là những ky quái. Trí tưởng tượng sánh với suy tưởng, cũng như lúc ngủ sánh với lúc thức. Khi chứng minh rằng tri giác là công việc của tâm linh: Vì tri giác là một tri thức cho nên tri giác chỉ có thể là công việc của tâm linh, chính tri giác cho thấy rõ bản tính của tâm linh. Như vậy, câu hỏi Tôi là gì? đã được giải đáp đầy đủ: Tôi là một sự vật suy tưởng. Tôi là một bản thể mà tất cả bản tính chỉ là suy tưởng.

Suy niệm III: Về Thiên Chúa rằng Ngài hiện hữu

Descartes nhắc lại thành quả của bài suy niệm trước: Tôi là một sự vật suy tưởng. Suy tưởng ở đây bao hàm tất cả mọi hình thức: hoài nghi, quyết định, phủ định, muốn, không muốn, tưởng tượng, cảm giác. Hai chữ cảm giác và tưởng tượng có nghĩa đặc biệt: Có thể là cái mà tôi xem thấy kia không phải là miếng sáp ong, và có thể tôi không có mắt để xem, nhưng không thể nào khi tôi xem, tức tôi tưởng tôi xem mà tôi tưởng đó lại là không phải một cái gì. Ở đây ông chỉ chú ý đến hành động tự nội của suy tưởng mà thôi; hành động đó có thể mặc hình thức tưởng tượng và cảm giác. Nguyên tắc cho công việc nghiên cứu: Tất cả những gì tôi quan niệm một cách rõ ràng và phân minh đều đích thực. Descartes đi ngay vào chủ trương của ông về giá trị khách thể của ý tưởng. Có ba thứ ý tưởng: những ý tưởng bẩm sinh, những ý tưởng ngoại lai do sự vật xui nên trong tâm trí tôi, những ý tưởng mạo tác do tôi tưởng tượng nên. Descartes chỉ đi nghiên cứu những giá trị của những ý tưởng liên can đến những sự vật ngoài ông, và gọi đó là những hình ảnh và ví chúng như những bức hoạ. Ông xác định về khách thể tính của ý tưởng theo hai hướng: thứ nhất, hướng tự nhiên, coi các ý tưởng như tượng trưng cho các sự vật, do tự nhiên dạy cho chúng ta. Thứ hai, ý tưởng do giác quan, đó là do Thiên nhiên dạy ta. Chúng ta phải nhận rằng ý tưởng do giác quan là ý tưởng ít giống sự thực hơn. Ông kết luận: ý tưởng do giác quan là ý tưởng giả dối, vậy nó không thể cho tôi biết điều chi chắc chắn. Khi giác quan dạy rằng có những sự vật ở ngoài tôi, thì lời dạy đó cũng mơ hồ như ý tưởng mà giác quan có về mặt trời trên đây. Ở hướng thứ nhất, ông coi ý tưởng như tượng trưng cho sự vật, nhưng không đem lại kết quả mong muốn.

Hướng thứ hai, Descartes coi ý tưởng như những tự thân. Những ý tưởng có thực tại tính khách thể, đây là điều tối quan trọng. Nếu ý tưởng không có khách thể tính, nghĩa là nếu ý tưởng không phải là một thứ hữu thể, dầu là một thứ hữu thể kém, thì chúng ta không có lối nào để ra khỏi tư duy nữa. Theo Descartes, mỗi ý tưởng phải có nguyên nhân của nó. Các ý tưởng ở trong tôi, đều có thể có tôi làm nguyên nhân. Những ý tưởng rõ ràng và phân minh mà tôi có về các sự vật vật chất, đều có thể do tôi rút ở ý tưởng mà tôi có về chúng. Vậy, tất cả các ý tưởng ở trong

tôi đều có thể nguyên nhân là tôi. Nhưng ý tưởng về Thiên Chúa thì không thể do tôi làm ra được. Ý tưởng về Thiên Chúa là ý tưởng về một bản thể vô cùng, vĩnh cửu, toàn năng, toàn trí, chính do Ngài mà vạn vật được tạo thành nếu thực sự có những sự vật khác ngoài tôi. Ông coi Ý tưởng đó do Thiên Chúa đặt ở trong tôi tự bẩm sinh. Tôi nhận ra có Thiên Chúa hiện hữu ở ngoài tôi. Đây là hữu thể đầu tiên được ông công nhận hiện hữu thực sự ngoài tôi.

Suy niệm IV: Về chân thực và giả dối

Cuối bài suy niệm III: chiêm ngưỡng những toàn hảo tính của Thiên Chúa. Niềm hoan lạc lớn nhất mà ta có thể được hưởng ở đời này⁽⁴⁾. Nhưng hoài nghi của mấy ngày qua nay đã được niềm tin tưởng đánh tan đi như khói. Đến đây, ông nhận ra rằng: hôm nay ông suy niệm một cách dễ dàng. Sau khi nhận ra Thiên Chúa, nhờ đó để nhận ra các sự vật trong vũ trụ. Ông nhận thấy mình có khả năng phán đoán, một khả năng do Thiên Chúa ban cho, cũng như Ngài đã ban hữu thể cho tôi. Nhưng trên thực tế, tôi lại sai lầm nhiều lắm. Vậy tại đâu? Trước hết, Sai lầm không phải là một thực tại do Thiên Chúa tạo thành, nhưng nó chỉ là một khiếm khuyết. Sai lầm không phải là một hữu thể cho nên không cần tìm cho nó một nguyên nhân khả dĩ tạo thành hữu thể đó. Sai lầm là một hành động thiếu phương pháp của ta mà thôi. Lý do sinh ra sai lầm là: Do tôi có hai tài năng khác nhau: trí năng và ý muốn. Khi nào giữa chúng ăn nhập với nhau thì tôi quyết đoán đúng, còn ngược lại thì rất có thể tôi bị sai lầm. Trí năng tôi rất hữu hạn, tôi chỉ biết rất ít điều về mình tôi và về vạn vật. Ngược lại ý muốn là tài năng hầu như vô cùng. Chính ý muốn làm cho ta xứng danh là hình ảnh Thiên chúa. Descartes đã đưa ra một quan niệm hoàn toàn mới về tự do tính của con người. Quan niệm chịu ảnh hưởng của Thần học Kitô giáo, theo Thần học thì con người có thể chống lại ý Thiên chúa: đó là tự do tính do Thiên Chúa ban cho con người. Vậy bản tính của tự do là: ý muốn chỉ ở tại sự chúng ta có thể làm hay không làm một việc, nói cho đúng ý muốn chỉ ở tại sự này, là khi quyết hay chối, theo đuổi hay bỏ trốn, nói cho đúng ý muốn chỉ là ở tại sự này, là khi quyết hay chối, theo đuổi hay bỏ trốn những sự mà trí tuệ đề cử cho ta, ta hành động một cách như không cảm thấy một sức ép bên ngoài nào cưỡng ép ta hết. Như vậy, tự do tính mới đúng nghĩa là chữ tự do, tự ý mình. Vậy, tôi sai

lầm, không do Thiên Chúa mà chỉ vì tôi không dùng những tài năng do Thiên Chúa ban cách đúng phép. Descartes quyết chí từ nay chỉ quyết đoán những khi đã quan niệm cách rõ ràng và phân minh.

Suy niệm V: Về yếu tính các sự vật vật chất và còn bàn về sự hiện hữu của Thiên Chúa

Suy niệm V là một tram nghĩ để chuẩn bị cho cuộc khám phá cuối cùng, sự vật suy tưởng. Khám phá ra vật thể. Descartes nêu lên chủ đích: giải đáp được những hoài nghi về các sự vật vật chất. Ông đặt ra hai nguyên lý để dựa vào chứng minh sự hiện hữu của các sự vật vật chất đó là: Yếu tính của sự vật vật chất và chân tính của Thiên chúa. Ông coi hiện hữu của Thiên Chúa là chân lý hiển nhiên hơn tất cả các chân lý toán học: Sự chắc chắn của tất cả các tri thức khác đều lệ thuộc vào chân lý này một cách tuyệt đối, đến nỗi nếu tôi không biết có Thiên Chúa hiện hữu, thì tôi chỉ có thể có những tri thức mơ hồ và bất định. Như vậy, nếu không có chân lý về hiện hữu của Thiên Chúa làm nền tảng thì không thể xây dựng được nền tảng của tri thức và khoa học.

Suy niệm VI: Về hiện hữu của các sự vật vật chất, về biệt tính giữa tâm linh và thân thể con người

Mục đích của bài suy niệm VI là: Bây giờ tôi chỉ còn phải nghiệm xét xem có những sự vật vật chất không? Tôi chứng minh sự hiện hữu của các sự vật vật chất và tính chất biệt lập của tâm linh đối với thân thể (vật thể). Qua các bài suy niệm trước, tôi đây Descartes đã có đủ hai đảm bảo chắc chắn, hai nguyên tắc hiển nhiên dùng trong nghiên cứu đó là: Thực tại tính của các ý tưởng (bài suy niệm III); chân tính của Thiên Chúa (bài suy niệm III, V). Do đó, hoàn toàn tin tưởng vào suy tưởng của mình, do đó những gì tôi quan niệm một cách phân minh và rõ ràng đều có thực. Chứng minh sự hữu của vật thể lần lượt qua hai bước: Nhờ trí tưởng tượng (mới chỉ có thể kết luận có lẽ có vật thể); Nhờ cảm giác (mới thực sự chắc chắn có vật thể hiện hữu). Trong đó, nhờ trí tưởng tượng, khi quan niệm hình tam giác, tôi nhận thấy đầy đủ các đặc tính của nó. Ông nhận định rằng trí tưởng tượng không thuộc về bản tính của tôi là vật suy tưởng: Đầu không có trí tưởng tượng thì tôi vẫn là vật suy tưởng như bây giờ. Tiếp đến ông nghiệm xét cảm giác, cảm thấy tôi có đầu, mặt, chân tay, đau, đói, cảm thấy các sự vật ở ngoài tôi, lẩn át tôi. Như vậy, chắc chắn rằng những cảm giác của tôi phải có

những nguyên nhân ở ngoài tôi, đó là cả những vật thể. Trở về với sự vật suy tưởng với chính mình tôi thấy bản thể mà tất cả yếu tính là suy tưởng. Vậy, tưởng tượng và cảm giác không thuộc về bản tính tôi. Descartes bước sang nghiên cứu khả năng của cử động: Tài năng cử động này không thể ở trong tôi là một sự vật suy tưởng, vì sự cử động không giả thiết công việc suy tưởng. Cho nên nhất thiết tài năng cử động phải ở trong một bản thể khác tôi. Ông tìm ra một bản thể khác với bản thể suy tưởng. Xuất phát từ những ý tưởng về sự vật, ông khẳng định: Ý tưởng sự vật chỉ có thể có hai nguyên nhân là mô thể và trời vượt. Tôi nhìn thấy con bò là súc vật, thì cái nhìn của tôi là do nguyên nhân mô thể. Nhưng Thiên Chúa cũng có thể trực tiếp tạo nên trong tâm trí tôi cái ý tưởng về súc vật kia, như vậy Ngài là nguyên nhân trời vượt. Tuy nhiên, tôi có ý tưởng rõ ràng và phân minh về vật thể: Có thể do Thiên Chúa trực tiếp xui nên trong tâm trí tôi, cũng có thể Ngài cho tôi thấy ý tưởng đó nơi một tạo vật nào chứa đựng nó một cách mô thể. Dựa vào nguyên tắc chân tính của Thiên Chúa, ông đã loại bỏ được hai giả thuyết trên. Nên tôi thấy những ý tưởng đó nơi chính những sự vật có mô thể là vật thể. Descartes kết luận các vật thể hiện hữu thực sự. Ông đã hoàn toàn chắc về mình, về bản tính của mình, về Thiên Chúa, về Chân tính vô cùng của Thiên Chúa.

3. Những giá trị cơ bản của tác phẩm *Luận về triết học thứ nhất*

Descartes là cha sinh của triết học thời mới, những ảnh hưởng của ông qua ba thế kỷ nay vẫn luôn sắc bén và sâu rộng. Nếu không nhận thức được mối tương quan giữa Descartes và kinh viện, chúng ta sẽ rất khó để hiểu rõ vai trò của Descartes, cầu nối trung gian giữa cũ và mới. Học thuyết của Descartes đã trở thành nền tảng cho triết học duy nghiệm của Hume, đặc biệt phải kể tới Triết học Kant và Husserl. Những đề tài, phương pháp của Descartes đã giúp Kant và Husserl tiến thêm một bước cao hơn của triết lý. Trong đó tiêu biểu triết học của Kant là triết học tiên nghiệm vì đã được xây dựng trên những nguyên lý tiên thiên như: cảm giác tiên nghiệm, luận lý tiên nghiệm, nguyên lý tiên nghiệm. Có thể thấy những ảnh hưởng của Descartes thật sâu xa và triết học của Kant là một vươn lên rất xa đối với triết học Descartes.

Trong tác phẩm *Luận về triết học thứ nhất*

Descartes đã tỏ rõ sự thất vọng đối với khoa học phổ quát. Ngay từ bài suy niệm I, ông đã đặt vấn đề cho tính chất hiển nhiên của những nguyên lý kiểu Toán học. Hoài nghi của Descartes đã hoàn toàn triệt để vì ông không ưu tiên cho một thứ chân lý nào, kể cả những nguyên lý hiển nhiên nhất của Toán học. Để lấy gì để chắc chắn rằng bản tính tôi tuyệt đối chân thực? Ông Descartes đã đặt vấn đề cho khả năng tri thức của con người. Với nguyên lý căn bản *Ego sum, ego existo, (Tôi có, tôi hiện hữu)*. Ông đặt Cogito trên hai nền tảng: nền tảng chân tính của thiên chúa để đảm bảo cho công việc suy tưởng được đích xác và là nền tảng của *tôi hiện hữu* để tránh cho học thuyết rơi vào duy tâm ngây thơ. Descartes đã giải đáp những vấn nạn của các triết gia thời đó, nêu lên những điểm quan trọng của tác phẩm. Tư tưởng triết học của Descartes ngày càng phong phú và giúp cho nhiều triết thuyết tiếp tục phát sinh. Những tư tưởng đó, có thể nói là được nằm gọn trong tác phẩm *Luận về triết học thứ nhất* của ông. Toàn bộ tác phẩm chính là sự suy tư về những giá trị khoa học Descartes, về nền khoa học của những năm cuối đời của ông, về khoa học đã thực hiện hoặc còn ở trong mộng... Tác phẩm là những suy tưởng nội tâm của chính tác giả, do đó muốn hiểu *Luận về triết học thứ nhất* chúng ta cũng phải suy niệm theo những Suy niệm đó.

Như vậy, có thể khẳng định rằng địa vị của tác phẩm rất quan trọng trong việc nghiên cứu triết học Descartes nói riêng và khảo cứu tư tưởng triết học nói chung. Qua đó nhận ra được tầm nhìn của Descartes về một triết học toàn diện cố gắng tích hợp lĩnh vực nhận thức khác nhau của con người. Descartes trình bày cốt lõi siêu hình trong triết học và có sức thu hút phi thường. Tác phẩm chính là một tượng đài đầy cảm hứng về những gì mà trí tuệ cá nhân có thể đạt được, khi rũ bỏ những ràng buộc của thẩm quyền, quy ước và bắt đầu cuộc tìm kiếm lâu dài. Bởi bản chất của triết học là những tiến bộ của nó luôn đạt được bằng cách tiếp tục đối thoại với các nhà tư tưởng vĩ đại trong quá khứ. Descartes đã mang đến cho độc giả sự hướng dẫn trong một lĩnh vực trí tuệ, giúp họ khám phá ra trong chính mình những quan niệm trí tuệ thuần túy và trong sáng về thế giới./

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8) Trần Thái Đình (2005), *Triết học Descartes*, Nxb. Văn học, tr.429, 436, 451, 472, 479, 497, 364, 384.